

Bản án số: 18/2020/HS-ST
Ngày 18 - 6 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16a/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HS ngày 22/5/2020 và số 10/2020/QĐST-HS ngày 09/6/2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh năm 1987. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị C; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2020 đến ngày 06/01/2020 chuyển áp dụng bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu C, sinh năm 1987. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu T1 và bà Trần Thị K1; Có vợ Nguyễn Thị T2 và có hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2020 đến ngày 06/01/2020 chuyển áp dụng bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Văn M, sinh năm 1987. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn C1 và bà Phạm Thị B; Gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ ba. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2020 đến ngày 06/01/2020 chuyển áp dụng bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Hà Văn H, sinh năm 1983. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn G và bà Nguyễn Thị 1; Có vợ Nguyễn Thị N. Gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ ba. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2020 đến ngày 06/01/2020 chuyển áp dụng bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Văn Đ, sinh năm 1965. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị N; Có vợ Đặng Thị P1 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2020 đến ngày 06/01/2020 chuyển áp dụng bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn H: Bà Lê Thị Thu Hiền, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/01/2020, Trần Văn T, Bùi Văn M, Hà Văn H, Nguyễn Hữu C lần lượt đến nhà Trần Văn Đ ở K, T, Kinh Môn, Hải Dương ngồi chơi uống nước. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Tuyên, M, H, C cùng thống nhất rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh sâm được thua bằng tiền và mỗi người đưa cho Đ 100.000 đồng tiền hồ, Đ đồng ý rồi đưa cho M bộ bài tú lơ khơ có 52 quân đồng thời trải chiếu nhựa màu xanh trắng ra hiên giữa nhà ở và nhà bếp của nhà Đ cho các đối

tượng trên đánh bạc. M sử dụng bộ bài tú lơ khơ có 52 quân chia cho mỗi người 10 quân bài, số bài còn lại bỏ ra ngoài, ván đầu tiên chọn người đánh trước bằng cách bốc bài, sau đó lần lượt theo chiều ngược chiều kim đồng hồ, từ quân bài nhỏ đến quân bài lớn không phân biệt rô, cơ, bích, tép (quân bài 2 là lớn nhất, quân bài Át lớn thứ hai), nếu người nào đánh hết quân bài ở trên tay trước thì người đó thắng, ba người còn lại đếm quân bài trên tay tính tiền trả cho người thắng tương ứng 5.000 đồng/1 quân bài, nếu còn 01 quân bài thì phải trả cho người thắng là 10.000 đồng. Trong ván đánh nếu có người xin sâm ngay từ đầu mà thắng thì ba người còn lại mỗi người phải trả 100.000 đồng cho người xin sâm, nếu người xin sâm thua thì phải trả 300.000 đồng cho người thắng ván đó, nếu ai không đánh được quân bài nào (tức bài bị cháy) thì phải trả cho người thắng ván đó 70.000 đồng. Người thắng ván trước được quyền chia bài và đánh trước ván tiếp theo. Quá trình đánh bạc Đ thu của Tuyên và H mỗi người 100.000 đồng tiền hồ rồi Đ đưa cho M để M thu đủ 400.000 đồng thì đưa lại cho Đ. Cứ như vậy, các đối tượng trên đánh bạc bằng hình thức đánh sâm đến 17 giờ 30 phút cùng ngày thì Tổ công tác thuộc Công an thị xã Kinh Môn kết hợp với Công an xã T phát hiện, bắt quả tang. Thấy công an đến, các đối tượng đánh bạc cất hết tiền vào trong người đi ra bàn ngồi uống nước, Đ đem chiếu cất vào trong bếp, giấu bộ bài tú lơ khơ vào trong phòng ngủ. Các đối tượng tự nguyện giao nộp số tiền là 22.572.000 đồng (gồm: Đ có 395.000 đồng, M có 3.970.000 đồng, Tuyên có 4.140.000 đồng, C có 13.320.000 đồng, H có 747.000 đồng). Quản lý 01 bộ bài tú lơ khơ và chiếu nhựa có đặc điểm như trên do Đ tự nguyện giao nộp.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai khi tham gia đánh bạc Tuyên sử dụng 3.800.000 đồng để đánh bạc, M sử dụng 2.800.000 đồng để đánh bạc (trong đó có 200.000 đồng tiền hồ do Đ đưa cho), H sử dụng 827.000 đồng đánh bạc, C có 12.800.000 đồng (C khai sử dụng 2.800.000 đồng đánh bạc). Căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, lời khai của các bị cáo, xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc đến khi bị bắt là 12.177.000 đồng.

Đối với số tiền 395.000 đồng của Đ và 10.000.000 đồng của C thu giữ khi bị bắt, quá trình điều tra xác định Đ và C không sử dụng vào việc đánh bạc, ngày 07/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn đã trả lại cho Đ và C số tiền trên.

Hiện toàn bộ số vật chứng nêu trên và số tiền 12.177.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn đang quản lý, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Văn T, Bùi Văn M, Hà Văn H, Nguyễn Hữu C, Trần Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ

và các chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 25/3/2020, VKSND thị xã Kinh Môn truy tố các bị cáo Trần Văn T, Bùi Văn M, Hà Văn H, Nguyễn Hữu C, Trần Văn Đ về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo vẫn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Vì đại diện VKS thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C, Bùi Văn M, Hà Văn H, Trần Văn Đ phạm tội Đánh bạc. Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C, Bùi Văn M, Hà Văn H, Trần Văn Đ; Áp dụng thêm điểm p khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo H; khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Đ; Xử phạt :

-Bị cáo Trần Văn T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Bị cáo Nguyễn Hữu C từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Bị cáo Bùi Văn M từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Bị cáo Hà Văn H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Bị cáo Trần Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã T, Kinh Môn, Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Ngoài ra quan điểm của đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết về vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo H đề nghị HĐXX căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s,p khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 BLHS, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo H từ 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng; Bị cáo là người khuyết tật nặng hiện đang được hưởng trợ cấp hàng tháng tại địa phương nên đề nghị áp dụng điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn hình phạt bổ sung, án phí cho bị cáo H.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu liên quan khác có trong hồ sơ. Nên có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 16 giờ ngày 03/01/2020 đến 17 giờ 30 phút ngày 03/01/2020, tại nhà ở của Trần Văn Đ ở K, T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Hà Văn H, Nguyễn Hữu C, Trần Văn T, Bùi Văn M có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh sâm được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 12.177.000 đồng. Trần Văn Đ là chủ nhà đồng ý cho bốn đối tượng nêu trên đánh bạc trái phép tại nhà mình để thu tiền hồ. Do vậy, VKSND thị xã Kinh Môn truy tố các bị cáo Trần Văn T, Bùi Văn M, Hà Văn H, Nguyễn Hữu C, Trần Văn Đ về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét hành vi phạm tội đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây ảnh hưởng tới cuộc đấu tranh phòng chống tệ nạn cờ bạc trong xã hội nói chung và trên địa bàn xã T nói riêng. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả của các bị cáo gây ra mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo thực hiện do lỗi cố ý, vì động cơ tư lợi các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc như đã nêu. Trong vụ án, các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C, Bùi Văn M, Hà Văn H giữ vai trò là người thực hành. Bị cáo Trần Văn Đ là chủ nhà, đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình nên đồng phạm với các bị cáo Tuyên, M, H, C về tội đánh bạc với vai trò là người giúp sức. Do vậy, các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bị cáo gây

ra. Song cũng nên xem xét các bị cáo đều xuất thân từ thành phần lao động, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo H là người khuyết tật vận động, bị cáo Đ có bố đẻ là ông **Trần Văn Đ có thành tích tham gia trong cuộc kháng C chống Pháp xâm lược được Nhà nước tặng Bằng khen nên** đối với các bị cáo Tuyên, C, M, H, Đ đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là người khuyết tật nặng” đối với bị cáo H và áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 “gia đình có công với nước” đối với bị cáo Đ. Xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng nên xem xét chiếu cố, không cần buộc các bị cáo phải cách ly xã hội mà giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Tại điều luật có quy định song xét về điều kiện, nhân thân, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS đối với các bị cáo là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, công an đã thu giữ quản lý 01 bộ bài tú lơ khơ và chiếu nhựa có đặc điểm như trên do Đ tự nguyện giao nộp và tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 12.177.000 đồng.

Xét 01 bộ bài tú lơ khơ và chiếu nhựa các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, bị cáo Đ không yêu cầu nhận lại chiếc chiếu nhựa, nên cần tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ và chiếu nhựa là phù hợp. Đối với số tiền 12.177.000 đồng thu giữ của các bị cáo là nguồn tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu số tiền 12.177.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo Tuyên, C, M, Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. **Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm bị cáo H.**

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C, Bùi Văn M.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Trần Văn Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s,i,p khoản 1 Điều 51, Điều 17,58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Hà Văn H.

Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1 và điểm a,b,c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C, Bùi Văn M, Hà Văn H và Trần Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo:

1. Trần Văn T 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Nguyễn Hữu C 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Bùi Văn M 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Hà Văn H 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trần Văn Đ 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C, Bùi Văn M, Hà Văn H và Trần Văn Đ về UBND xã T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về biện pháp tư pháp: Tuyên tịch thu cho tiêu hủy hủy 01 bộ bài tú lơ khơ và chiếu nhạ; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 12.177.000 đồng.

(Được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn).

Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C, Bùi Văn M và Trần Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Văn H.

Về quyền kháng cáo: □n xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo. Tòa án báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công an thị xã Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quốc Huy-Phạm Thị Chuộng

Nguyễn Thị Hiền

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công an thị xã Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Kim Chi - CA tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- Công an huyện Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 18 tháng 6 năm 2020

Tại: Phòng nghị án TAND thị xã Kinh Môn.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy và Phạm Thị Chuông.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số thụ lý số 17/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16a/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HS ngày 22/5/2020 và số 10/2020/QĐST-HS ngày 09/6/2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh năm 1987. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

2. Nguyễn Hữu C, sinh năm 1987. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

3. Bùi Văn M, sinh năm 1987. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

4. Hà Văn H, sinh năm 1983. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

5. Trần Văn Đ, sinh năm 1965. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn H: Bà Lê Thị Thu Hiền, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

[1] Vụ án không thuộc trường hợp phải tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: 03/03

[2] Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo và người tham gia tố tụng khác cung cấp là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 03/03

[3] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 03/03

[4] Về nội dung:

4.1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s,i khoản 1 Điều 51, Điều 17,58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C, Bùi Văn M.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s,i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17,58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Trần Văn Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s,i,p khoản 1 Điều 51, Điều 17,58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Hà Văn H.

Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1 và điểm a,b,c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Kết quả biểu quyết 03/03.

4.2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C, Bùi Văn M, Hà Văn H và Trần Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Kết quả biểu quyết 03/03.

4.3. Về hình phạt: Xử phạt:

- 1. Trần Văn T 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Nguyễn Hữu C 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Bùi Văn M 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Hà Văn H 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trần Văn Đ 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C, Bùi Văn M, Hà Văn H và Trần Văn Đ về UBND xã T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4.4. Về biện pháp tư pháp: Tuyên tịch thu cho tiêu hủy hủy 01 bộ bài tú lơ khơ và chiếu nhựa; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 12.177.000 đồng.

(Được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn).

Kết quả biểu quyết 03/03.

4.5. Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C, Bùi Văn M và Trần Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Văn H.

Kết quả biểu quyết 03/03.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 18 tháng 06 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quốc Huy – Phạm Thị Chuông

Nguyễn Thị Hiền

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công an thị xã Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền